

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Văn Công Trọn

2. Bà Nguyễn Thị Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh Trần Kỳ H, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và đơn xin vắng mặt cùng ngày 11/02/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và ông Trần Kỳ H chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 20/7/2007*). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống rất hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không lo lắng cho gia đình, chị và anh H đã ly thân gần 01 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh H có 02 người con tên Trần Bạch T, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Tuyết M, sinh ngày 28/12/2010. Hiện nay các con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản công khai chứng cứ ngày 25/02/2020, anh Trần Kỳ H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất như trình bày của chị N. Anh và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng đúng quy định. Tuy nhiên trong giấy kết hôn ghi năm sinh của anh 1982 là ghi khước tuổi. Theo giấy chứng minh nhân dân anh sinh năm 1983 là phù hợp với các giấy tờ tùy thân của anh. Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn đúng như chị N trình bày. Anh và chị N đã không còn sống chung với nhau gần 01 năm nay. Anh và chị N không thể hàn gắn lại được nên đồng ý ly hôn với chị N để đảm bảo cho cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 người con tên Trần Bạch T, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Tuyết M, sinh ngày 28/12/2010 đúng như chị N trình bày. Khi ly hôn anh tôn trọng ý kiến của các con theo ai người đó nuôi. Không đặt ra cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Thống nhất ý kiến trình bày của chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp anh H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Trần Kỳ H có nơi cư trú tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với Trần Kỳ H, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị N và anh H xin vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Kỳ H không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị N và anh H đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh H đã ly thân gần 01 năm nay.

Tại biên bản công khai chứng cứ ngày 25/02/2020, anh H đồng ý ly hôn với chị N. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh H.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh H có 02 người con tên Trần Bạch T, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Tuyết M, sinh ngày 28/12/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con. Chị không yêu cầu đặt ra cấp dưỡng.

Ý kiến của anh H tại biên bản công khai chứng cứ ngày 25/02/2020, thì anh tôn trọng ước nguyện của các con theo ai thì người đó nuôi. Không đặt ra cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Trần Bạch T, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Tuyết M, sinh ngày 28/12/2010. Hiện đang sống cùng với chị N. Từ khi chị N và anh H ly thân đến nay các cháu T và M sống cùng chị N, gần gũi với chị N, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Tiếp tục giao các cháu Trần Bạch T, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Tuyết M, sinh ngày 28/12/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với ý kiến của cháu Trần Bạch T tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/02/2020 và phù hợp với ý kiến của cháu Trần Tuyết M theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 25/02/2020. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Chị N và anh H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị N và anh H xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N về việc ly hôn với anh Trần Kỳ H.

-Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Trần Bạch T, sinh ngày 04/9/2009 và Trần Tuyết M, sinh ngày 28/12/2010 cho chị Nguyễn Hồng N được trực tiếp nuôi

dưỡng. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 11/02/2020 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0003242** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lê Chí Công**